TỔNG QUAN DÒNG SẢN PHẨM

Inlay và nhãn UHF RFID

Mười mẫu inlay trên hai dòng chip. Mỗi mẫu có dạng dry inlay, wet inlay hoặc nhãn dán.

MẪU ANTEN, 40 % KÍCH THƯỚC	CHIP	KÍCH THƯỚC INLAY	KHOẢNG CÁCH ĐỌC	KÍCH THƯỚC NHÃN DÁN CÓ SẴN (MM) 45 ×20	50 ×20	50 ×25	54 ×34	57 ×38	76 ×20	76 ×22	87 ×41	125 ×22
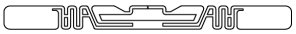	NXP UCODE 9	95 × 8 mm	4 đến 7 m	—	—	—	—	—	—	—	—	■
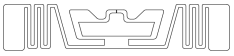	NXP UCODE 9	75 × 15 mm	8 đến 12+ m	—	—	—	—	—	■	■	■	■
	NXP UCODE 9	50 × 30 mm	6 đến 9 m	—	—	—	■	■	—	—	■	—
	Quanray Qstar 7U	95 × 8 mm	4 đến 7 m	—	—	—	—	—	—	—	—	■
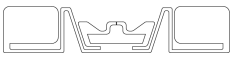	Quanray Qstar 7U	75 × 15 mm	8 đến 12+ m	—	—	—	—	—	■	■	■	■
	Quanray Qstar 7U	50 × 30 mm	6 đến 9 m	—	—	—	■	■	—	—	■	—
	Quanray Qstar 7U	49 × 11 mm (Jewelry / Tail Tag)	1.0 đến 2.5 m	—	■	■	■	■	■	■	■	■
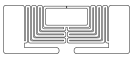	Quanray Qstar 7U	42 × 16 mm	3 đến 7 m	■	■	■	■	■	■	■	■	■
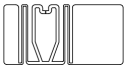	Quanray Qstar 7U	40 × 20 mm (Foldable)	2.5 đến 5 m	■	■	■	■	■	■	■	■	■
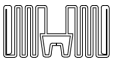	Quanray Qstar 7U	35 × 17 mm	1.5 đến 3.5 m	■	■	■	■	■	■	■	■	■

THÔNG SỐ CHIP

	NXP UCODE 9	Quanray Qstar 7U
Giao thức	EPCglobal Gen2v2.1 / ISO 18000-6C	EPCglobal Gen2v2 / ISO 18000-6C
Bộ nhớ EPC	96 bit	128 bit
Bộ nhớ TID	96 bit (gồm số sê-ri duy nhất 48 bit)	96 bit
Bộ nhớ người dùng	Không có	128 bit
Lưu giữ dữ liệu	20 năm (@ 55°C)	50 năm (@ 27°C)
Chu kỳ ghi	100,000 chu kỳ	100,000 chu kỳ

Tất cả các mẫu: Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam. Chất liệu: PET, Nhôm trên PET. Tần số: 860 đến 960 MHz (Quốc Tế). Kích thước nhãn phải lớn hơn kích thước inlay bên trong.